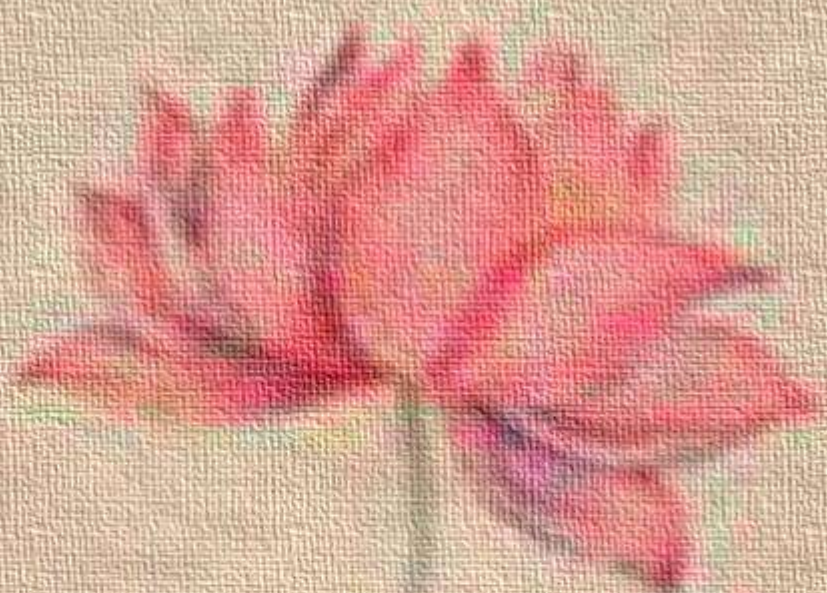


Nhất Hạnh

TRÁI TIM
CỦA
HIỂU BIẾT



LABO

Mục lục

Dẫn nhập	3
Hiểu danh từ.....	5
Vào kinh	7
Kinh Tinh Yếu Bát Nhã Ba La Mật Đa	31

Dẫn nhập

Kinh Tinh Yếu Bát Nhã Ba La Mật Đa này tôi đã trì tụng trên bốn mươi năm, có lẽ hơn thế nữa, nhưng nghĩa của kinh đối với tôi vẫn còn thậm thâm vi diệu.

Đây là một bản kinh rất quan trọng, là một bức thông điệp của Đức Bồ Tát **Quán Thế Âm** gửi cho chúng ta. Chúng ta có thể đang có văn bản trong tay hoặc đã thuộc lòng nó, nhưng chưa chắc ta đã nhận được thông điệp của Ngài.

Hôm nay chúng ta có cơ hội cứu xét nội dung kinh. Sự thành công hay không của chúng ta hôm nay tùy thuộc ở sự kiện chúng ta có nhận thức thanh tịnh hay là không. Nhận thức thanh tịnh là nhận thức cần thiết để có thể hiểu được những lời Bụt dạy. Hôm qua quý vị đã nghe câu chuyện một người cha trẻ đánh mất đứa con. Câu chuyện này cũng được kể trong cuốn Tương Lai Văn Hóa Việt Nam:

Kinh Bách Dụ kể chuyện người lái buôn góa vợ vì đại đột mà đánh mất đứa con trai yêu quý. Đứa con trai ấy còn nhỏ tuổi, một hôm trong khi cha đi vắng bị kẻ cướp bắt cóc. Trước khi rút lui, kẻ cướp đốt nhà và đốt xóm. Khi người lái buôn về tới, ông ta thấy một tử thi thiếu nhi cháy đen ở đồng trò tàn. Trong cơn hoảng hốt, ông ta cho đó là tử thi con ông. Ông khóc kể và làm lễ hỏa táng tử thi, rồi vì thương con quá, ông cất tro xương và một cái túi gấm, và đi đâu cũng mang theo mình. Mấy tháng sau, vào lúc nửa đêm, đứa con trai tìm thoát được tay kẻ cướp và tìm về gõ cửa đòi vào. Người cha lúc ấy đang âu sầu ôm chiếc túi gấm đựng tro, không chịu đứng dậy mở cửa. Ông ta tin chắc con mình đã chết, và đứa trẻ đang gõ cửa xưng con ngoài kia là một đứa trẻ hàng xóm nào đó đang cố tình trêu ghẹo ông. Vì vậy, đứa con trai phải thất thểu ra đi, và người lái buôn kia vĩnh viễn mất con.

Bụt dạy: “Ôm lấy một kiến thức và cho đó là chân lý tuyệt đối tức là bít lấp tiến trình học hỏi và giác ngộ”.

Câu chuyện đó cho ta thấy nếu chúng ta ôm chặt những kiến thức sẵn có của chúng ta rồi thì ta không còn cơ hội để có thể tiếp đón chân lý nữa. Vì vậy hôm nay ta có cơ hội hay không là do ta có thể mở lòng ra và thoát ly được những cái thấy và cái nghe của ta trước đây hay không.

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh là quà tặng của Đức Bồ tát Quán Thế Âm. Đức Quán Thế Âm là một người biết lắng nghe, chính sự lắng nghe của Ngài mà Ngài thành đạo. Chúng ta trong những ngày qua cũng đã tập lắng nghe. Thứ nhất là tập lắng nghe chuông, rồi lắng nghe những âm thanh khác. Nhưng khả năng lắng nghe của ta tới đâu rồi thì chúng ta tự biết, nhìn vào những người khác mình cũng có thể nhận biết được phần nào.

Khi nghe một ý kiến gì, mình thường lấy nhận thức của mình so sánh với ý kiến đó. Nếu ý kiến người ta đưa ra phù hợp với ý kiến mình sẵn có trong lòng thì mình cho là ý kiến đó có thể chấp nhận được; còn khi người ta nói câu gì không phù hợp với nhận thức mình sẵn có thì mình không chấp nhận. Cũng giống như khi chơi banh, ta liệng banh vào tường, tường dội trái banh lại, tường không bao giờ chấp nhận trái banh. Nếu ta có những kiến thức chấp chặt, ta không thể tiếp nhận những ý kiến khác với ý kiến của ta nữa. Do đó mình phải biết thu hồi bức tường của mình lại để trái banh có thể vượt qua.

Trong thiền học, những câu tuyên bố của các vị thiền sư lắm khi có vẻ động trời động đất, và chúng trái chống với nhận thức sẵn có của mình. Khi nghe một câu như vậy, nếu mình đưa kiến thức của mình so sánh, suy tư rồi bắt bỏ thì mình sẽ mất cơ hội tiếp nhận. Cho nên mình phải cẩn thận lắm.

Trong bản kinh này Đức Bồ tát Quán Tự Tại là một thiền sư, và Ngài nói những câu nói rất động trời, nhưng chính vì Ngài có uy tín, nên khi nghe những câu đó chúng ta không dám cãi lại. Chúng ta bị uy hiếp bởi uy tín của Ngài. Nếu đó là do một người nào khác nói không mang danh Bồ tát Quán Tự Tại, có lẽ chúng ta sẽ gân cổ cãi lại cho đến cùng.

Hiểu danh từ

Trước khi đi vào kinh Tinh Yếu Bát Nhã ta cần duyệt qua một số danh từ. Những danh từ này giống như một giấy thông hành, nếu không nắm được ta sẽ không thể đi vào trong kinh; ta sẽ bị chặn lại xét hỏi.

Danh từ đầu tiên là **Ngũ Uẩn** tức là năm yếu tố kết hợp nên con người chúng ta: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc là cơ thể của chúng ta và những giác quan trong cơ thể đó. Thọ là những cảm giác dễ chịu, khó chịu, không dễ chịu cũng không khó chịu. Tưởng là tri giác của chúng ta. Hành là tất cả những tâm tư của chúng ta gồm luôn cả thọ và tưởng. Thức là nhận thức của tâm ta.

Trong những ngày qua, ta đã học sơ lược về sắc, thọ và tưởng. Hôm nay ta đi sâu hơn một tí nữa vào tưởng, nhờ văn bản của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Mười Tám Giới là mười tám lãnh vực của hiện hữu. Ngoài mười tám lãnh vực của hiện hữu đó, không có gì nữa hết. Sáu lãnh vực đầu là sáu căn, tức là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; làm căn cứ phát xuất từ sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Đối tượng của sáu căn là sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu căn là để đối với sáu trần, và khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần thì phát sinh ra sáu thức như ta đã học. Tất cả vạn pháp đều nằm trong mười tám giới đó. Tất cả thế gian, tất cả vũ trụ, vạn hữu đều nằm gọn trong vòng mười tám giới đó. Giới thứ nhất là mắt và giới cuối cùng là ý thức. Hai danh từ đó được vòng lại trong ngoặc đơn để quý vị biết cái đầu tiên là mắt, cái cuối cùng là ý thức. Trong Kinh Tinh Yếu quý vị sẽ đọc: “Không có mười tám giới, từ nhãn đến ý thức”.

Còn **Thập Nhị Nhân Duyên** là mười hai điều kiện liên hệ với nhau, nối tiếp nhau, tương sinh, tương diệt. Duyên đầu tiên là vô minh và duyên cuối cùng là lão tử. ở giữa có mười nhân duyên khác là hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc thọ, ái, thủ, hữu, sinh.

Tứ Đế là bốn sự thật: khổ, tập, diệt và đạo. Khổ là sự có mặt của những đau khổ trong cuộc đời. Tập là những nguyên nhân xa hay gần đưa đến đau khổ. Diệt là sự vắng mặt của khổ đau, sự an lạc do công trình diệt khổ đem lại. Đạo là con đường, là phương pháp để thực hiện sự an lạc đó. Trí là prajna mà chúng ta đã học hôm qua, đó là Bát Nhã, là cái hiểu biết.

Đắc là sự chứng đắc, đạt được.

Sở Đắc là cái đối tượng hoặc kết quả mà chúng ta đạt được.

Vào kinh

Bây giờ chúng ta hãy đi vào Kinh Tinh Yếu Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Kinh Tinh Yếu tức là Tâm kinh, cái cốt lõi của kinh.

Tâm có nghĩa là cốt tủy, tinh túy, cái lõi. Ví dụ hạt sen có cái tim sen ở trong. Tim sen đó gọi là liên tử tâm.

Tại sao gọi đây là Tâm kinh, cốt lõi của kinh, là Kinh Tinh Yếu? Vì đây là một bản văn rất ngắn gọn, tóm tắt ý nghĩa toàn bộ ĐẠI BÁT NHÃ rất lớn, đọc năm này sang năm khác mới hết, và chưa chắc là đọc như thế là ta nắm được đại ý. Tâm kinh tức là đại ý cô đọng của toàn bộ Bát Nhã.

Bát Nhã là trí tuệ.

Ba La Mật Đa là đáu bí ngạn, là có khả năng đưa chúng ta đi sang bờ bên kia, bờ của sự giải thoát, không còn bị buộc ràng, không còn bị sai sử.

Bát Nhã Ba La Mật là trí tuệ có khả năng đưa chúng ta đến bờ giải thoát, vượt khỏi sự sợ hãi. Đức Quán Thế Âm nổi tiếng là một người hay trao tặng cho chúng sanh món quà quý giá: đó là món quà vô úy. Vô úy là sự không sợ hãi.

Theo đạo Phật có ba loại quà ta có thể trao tặng người khác. Loại quà thứ nhất là quà vật chất (tiền bạc và của cải), gọi là tài thí. Loại quà thứ hai mà mình có thể trao tặng là giáo pháp của đạo Phật để người tu hành có thể thoát khổ, đó gọi là pháp thí. Nhưng món quà lớn nhất mà ta có thể trao tặng làm cho người kia đừng sợ hãi nữa, đó là vô úy thí.

Bát Nhã Tâm Kinh là một món quà. Chúng ta có khả năng tiếp nhận món quà đó hay không? Đó là vấn đề, người tặng thì đã tặng với tất cả tấm lòng, còn người nhận đã sẵn sàng để tiếp nhận chưa?

Quý vị có thể tưởng tượng một em bé cầm cục kẹo trong tay, cầm hoài mà không biết ăn. Mẹ nó mới nói rằng: “Ăn kẹo đi con, kẹo ngon lắm đó, ăn đi con!”. Rồi cũng không chắc là đứa bé đã biết ăn kẹo.

Tâm Kinh Bát Nhã là một kinh văn quan trọng mà chúng ta đã từng đọc tụng, có khi hàng mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm. Nhưng chúng ta thực sự tiếp nhận và hành trì được kinh ấy chưa? Đó là một câu hỏi lớn.

Bồ Tát Quán Tự Tại

Bồ Tát là một người tinh thức (Bồ Tát từ chữ Bodddhisatava mà ra, có nghĩa là con người tinh thức và đang giúp người khác tinh thức). Quán Tự Tại là tên Đức Quán Thế Âm (Avalokiteshvara). Quán Tự Tại là dịch theo kiểu mới, người xưa dịch là Quán Thế Âm.

Khi quán chiếu thâm sâu Bát Nhã Ba La Mật

Khi Ngài thực tập một cách thâm sâu về Prajana Paramita, tức là thứ Trí Tuệ có thể đưa chúng ta đến bờ bên kia.

Tức Diệu Pháp Trí Độ

Trí là sự hiểu lớn, Độ là có khả năng đưa ta qua bờ bên kia.

Bỗng soi thấy Năm Uẩn đều không có tự tánh

Khi thực tập diệu pháp trí độ. Ngài phát hiện ra một điều là năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) đều không có tự tánh riêng biệt của chúng, cái này nương vào cái khác mà có, không thể nào mỗi cái tự mà có được. Điều đó rất quan trọng. Không có hiện tượng nào tự mình có thể phát sinh và tồn tại, mà phải nhờ những hiện tượng khác mới có thể hiện hữu.

Trong kinh A Hàm, Bụt dạy: “Vì cái này có nên cái kia có đó, vì cái này không nên cái kia không, vì cái này sinh nên cái kia sinh, vì cái này diệt nên cái kia diệt” (Thử hữu tác bi hữu, thử vô tác bi vô, thử sinh tác bi sinh, thử diệt tác bi diệt). Những lời của Bụt tuy đơn sơ nhưng thâm thúy vô cùng. Đây là đạo lý nhà Phật về sự sinh trưởng

và tồn tại của thế giới hiện tượng. Nếu đem nhận thức đó so sánh với nhận thức về sáng tạo thế giới của các tôn giáo, ta thấy đạo Bụt hoàn toàn khác biệt với các tôn giáo khác.

Thực chứng điều ấy xong, ngài vượt qua tất cả mọi đau khổ, ách nạn

Thực chứng tức là thấy một cách trực tiếp, chứ không phải thấy bằng học giỏi và suy luận. Thí dụ như khi chúng tôi mời quý vị ăn sầu riêng, một thứ trái cây mà trước kia quý vị chưa bao giờ thưởng thức. Tôi nói rằng: “Đây là trái sầu riêng xin quý vị nếm”. Quý vị trực tiếp nếm sầu riêng, biết được thế nào là mùi sầu riêng. Còn nếu quý vị chưa bao giờ nếm sầu riêng như thế này, như thế kia, khác vị mít ở chỗ nào, giống vị cam như thế nào, thì dù tôi có nói suốt ngày, quý vị không thực chứng được mùi sầu riêng. Trong đạo Bụt đó được gọi là lý luận, tức là luận suông. Thực chứng, vì thế, là phải thực sự sống và nhận thấy rõ mình không thể là một cá thể riêng biệt tách rời với những cái ta nghĩ “không phải là ta” như không khí, mặt trời, như rừng, như những người xung quanh ta và ngay cả những người mà ta xem là thù nghịch. Thực chứng cũng không có nghĩa là đứng bên ngoài và nói suông rằng những cái đó có liên hệ với ta. Thực chứng phải là tương nhập hẳn vào da thịt của người kia, là đồng nhất với hiện tượng đó, thực chứng để tương nhập vào người nó để hiểu những cảm thọ, những tri giác và những vận hành của tâm thức người ấy mà sống có hòa điệu không tạo thêm đau khổ cho mình, cho người ấy và cho vũ trụ vạn vật.

Sau khi tự quán chiếu năm uẩn, Ngài đạt được cái thấy trực tiếp về năm uẩn. Tất cả những đau khổ tai nạn, Ngài đột nhiên vượt qua thoát hết và Ngài hoàn toàn giải thoát, sang tới bờ bên kia. Sở dĩ Ngài đạt tới bờ bên kia của sự giải thoát, của sự không sợ hãi, là chỉ nhờ Ngài thấy được một điều, một điều thôi: thấy được trong năm uẩn không có uẩn nào có tự tánh riêng biệt: năm uẩn nương vào nhau mà có.

Khi chứng nghiệm được chân lý cao siêu và màu nhiệm đó, Ngài gọi thầy Xá Lợi Phất tới.

Xá Lợi Phất là một trong những vị đại đệ tử của Bụt, tên tiếng Phạn là Sarurutra, Ngài nói:

Nghe đây Xá Lợi Tử, Sắc chẳng khác gì Không, Không chẳng khác gì Sắc, Sắc chính thực là Không, Không chính thực là Sắc, còn lại bốn Uẩn kia cũng đều như vậy cả.

Ban đầu Ngài nói về Uẩn thứ nhất, tức là sắc, là thân thể của chúng ta. Sắc là tất cả những hiện tượng sinh lý, vật lý. Trong kinh văn, chữ gây khó khăn cho nhiều người nhất là **Không**. Chữ **Không** ở đây, tiếng Phạn là Sunyata, dịch tiếng Việt là *trống rỗng*. Dịch ra chữ “không” cũng được, nhưng chữ “không” lại là một sự hiểu lầm: không có thể được hiểu là *không có*. Thí dụ chúng ta nói trái banh nó trống rỗng ở trong, nó rỗng ruột, đó là Sunyata. Nhưng mà có trái banh chứ. Có điều trái banh đó rỗng ruột mà thôi. Thành ra sau này nếu các học giả tương lai của Phật giáo Việt Nam đổi được chữ “không” thành chữ “rỗng” sẽ giúp được thế hệ tương lai nhiều lắm. Chữ rỗng hay hơn chữ không. Tiếng Anh dịch là empty. Empty là rỗng. Thí dụ chén trà empty thì vẫn có chén trà. Chữ empty (rỗng) không gây ra ấn tượng là chén trà không có mặt. Danh từ không trong tiếng Hán Việt cũng có nghĩa là rỗng. Như không tâm chẳng hạn. Không tâm tức là rỗng ruột: ví dụ rau muống gọi là không tâm thảo, thứ rau không có ruột. Khi chuyển sang dùng tiếng Việt, chúng ta có thể hiểu lầm “không” này là “không có”.

Thí dụ tờ giấy này đây, nó là một sắc pháp, một hiện tượng vật chất. Theo Quán Thế Âm Bồ Tát thì tờ giấy nó không, tức là rỗng. Nhưng chữ “rỗng” (chữ “không”) đó nghĩa là gì?

Nhiều người không hiểu Phật pháp nói rằng tờ giấy này nó “không có”, tại vì tuy bây giờ nó có đó, nhưng mai một nó sẽ không có; hoặc nó bị đốt đi, hoặc bị mục đi thành đất, cho nên tuy nó có đó mà cũng như không có đó. Câu giải thích này hoàn toàn sai với giáo lý đạo Bụt.

Theo giáo lý đạo Bụt, nếu tờ giấy này nó “không” thì nó không ngay từ bây giờ chứ không phải sau này nó mới không. Danh từ là *đương thể tức không*. Giáo lý đạo Bụt cơ bản là giáo lý vô ngã: sự vật không có

tự thể riêng biệt (separate entity). Nếu mình nhìn vào tờ giấy này với con mắt của một vị Bồ Tát biết nhìn sâu vào trong lòng tờ giấy để thấy cội nguồn của nó, mình sẽ thấy có một đám mây đang bay trong tờ giấy này. Mình cũng không cần là thi sĩ mới thấy được đám mây, vì mình biết nếu không có đám mây thì không có mưa, cây rừng sẽ không thể mọc lên được, do đó chúng ta không có bột giấy. Nhìn vào tờ giấy này ta còn thấy mặt trời, vì nếu không có mặt trời chiếu lên thì không có loài thực vật nào mọc được, cho nên nhìn vào tờ giấy này, ta sẽ thấy ánh mặt trời chói lọi trong đó. Rồi ta còn thấy rừng cây xanh mướt, thấy những chiếc lá rụng, mục đi để cây rừng tươi tốt, ta thấy những chất khoáng trong lòng đất mà rễ cây hút lên để nuôi cây. Rồi ta thấy người tiều phu đã đốn cây đem về để làm bột giấy, thấy Ba Má của ông tiều phu (bởi vì nếu không có Ba Má ông tiều phu thì làm gì có ông tiều phu). Ta thấy luôn gạo lúa mà người tiều phu ăn hàng ngày để có thể đủ sức đi đốn cây.

Tóm lại, khi nhìn tờ giấy này bằng con mắt quán chiếu nhân duyên, ta thấy rằng không có hiện tượng nào trên vũ trụ mà không có mặt trên đó hết. Và tờ giấy này, nói cho đúng, nó *đầy* cả vũ trụ vạn hữu trong đó.

Khi dùng danh từ giấy, ta nên phân biệt hai thứ: một là tờ giấy và hai là thể giới không phải là giấy, những yếu tố không phải giấy. Ta có thể nói rằng: giấy được kết hợp bằng những yếu tố không phải giấy. Giấy là do những yếu tố không giấy tạo ra, giấy không thể tự có được. Giấy không có tự tánh hoặc có thể tự riêng biệt.

Nó có là nhờ những cái không phải nó bắt tay nhau tập hợp làm ra. Tờ giấy này tuy rỗng, không có tự tánh riêng, nhưng nó lại đầy cả vũ trụ vạn hữu trong đó. Vì vậy chữ “không” trong Tâm Kinh Bát chỉ có nghĩa là không có một tự thể riêng biệt.

Khi chúng ta nói rỗng thì phải nói rỗng cái gì mới được (empty means empty of something). Thí dụ mình nói trái banh trống rỗng, nhưng mình biết nó rỗng gì. Nó trống rỗng chất nhựa trong lòng nó, song trái banh nó đầy không khí. Vậy rỗng phải là rỗng cái gì. Tờ giấy này

tuy trông rỗng cái tự ngã riêng biệt, nhưng nó lại đầy cả pháp giới vạn hữu trong nó.

Một vị thiền sư Việt Nam đời Lý có hai câu thơ:

*Càn khôn rút lại đầu sợi tóc,
Nhật nguyệt nằm trong hạt cải mỏng.*

Một sợi tóc tuy nhỏ mà có thể để cả trời và đất lên trên đầu nó. Một hạt cải tuy nhỏ nhưng mặt trăng và mặt trời có thể nằm gọn ở trong đó. Đây có nghĩa là bất cứ hiện tượng nào dù là một hạt cải, một sợi tóc chẳng nữa, cũng có chứa đựng toàn thể vũ trụ, vì một cái là do tất cả những cái khác làm thành. Mỗi người trong chúng ta đều do cả vũ trụ hợp tác nhau làm thành. Không một hiện tượng nào trong vũ trụ vạn hữu mà không có mặt trong ta.

Trong ta có dòng sông (nếu không có dòng sông thì làm sao ta có nước uống), có mặt trời (nếu không có mặt trời thì làm sao có sự sinh trưởng của cây trái để mình ăn), có rừng cây (tạo ra dưỡng khí cho mình thở) v.v... Trong ta có đủ hết: vũ trụ vạn hữu đã nắm tay nhau để đưa chúng ta ra đời. Danh từ đạo Phật là Nhân Duyên Sinh, tức là những điều kiện phối hợp với nhau, cộng tác với nhau để làm cho mọi vật có mặt.

Uẩn nào trong năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) cũng không hết, vì uẩn nào cũng không thể tự mình tồn tại độc lập. Uẩn nào cũng phải nhờ các uẩn khác phụ giúp mới có thể có được.

Đồng xu có hai mặt: mặt trái và mặt phải. Sở dĩ có mặt phải là nhờ có mặt trái. Nếu một trong hai mặt mà không có thì mặt kia cũng không có luôn. Trái và phải nương nhau mà có. Con xúc xắc có sáu mặt, nhưng kỳ thực sáu mặt mà là một. Mặt này có là nhờ mặt kia, và sáu mặt nương nhau mà có.

Năm uẩn cũng vậy, chúng nương nhau mà có, chứ không thể có một cái tách rời. Ngày xưa, hồi sáu tuổi đi học, trong bài giảng khoa học đầu tiên tôi nghe cô giáo dạy: thân thể người ta chia ra làm ba phần: đầu, mình và chân tay. Hồi đó tuy nhỏ, nhưng tôi thấy rất là kỳ. Thân

thể của mình mà chia ra làm ba phần như vậy (đầu riêng, mình riêng, tay chân riêng) thì làm sao mà chia được?

Năm uẩn cũng không thể chia ra như thế. Chia là để tạm hiểu thôi, chứ năm cái đó không thể nào tồn tại độc lập với nhau. Trong con người chúng ta, có đủ tâm, can, tỳ, phế, thận: tuy chia ra làm năm cái nhưng kỳ thực nếu không có tâm thì can có thể tồn tại được không? Nếu không có tỳ thì phế có được hay không? Tuy rằng năm mà kỳ thực là một. Những cơ quan trong cơ thể ta không thể tồn tại độc lập, cái này nương cái kia mà có. Vì thế Bụt dạy rằng: Thử hữu tắc bí hữu. Cái này có mặt cho nên cái kia có mặt, cái kia có mặt cho nên cái này mới có mặt. Tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ đã phối hợp lại để làm thành một hiện tượng. Nguyên nhân vũ trụ không phải một mà: rất nhiều, nhiều trùng trùng vô tận.

Quan niệm một vị thần linh sáng tạo ra vũ trụ không phù hợp với nguyên tác nhân duyên sanh của đạo Bụt. Khi ta nói thần linh sáng tạo ra vũ trụ, ta nghĩ rằng vị thần linh này không cần ai và không cần gì sáng tạo ra hết; điều này trái với định luật nhân duyên sinh. Khi nghe đạo Bụt phân tích con người chúng ta làm năm yếu tố Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chúng ta phải biết rằng đó là phân tích tạm để chỉ cho chúng ta phương thức tu học, chứ không phải nói rằng những yếu tố sắc, thọ, tưởng, hành, thức có thể tồn tại độc lập ngoài nhau.

Không sự vật nào trong vũ trụ có tự tánh riêng biệt hết. Đó là giáo lý căn bản của đạo Bụt.

Danh từ mà chúng ta lâu nay thường dùng trong dịp này là vô ngã.

Vô ngã tức là không có sự tồn tại độc lập. Không có cái gì, không có ai tồn tại độc lập được. Vô ngã còn có nghĩa là vô thường.

Vô thường là biến chuyển. Nếu không có biến chuyển thì làm sao có được. Thí dụ tờ giấy này. Nếu không vô thường và vô ngã, làm sao tờ giấy có mặt? Nếu không vô thường thì cây làm sao mọc lên. Muốn mọc lên cây phải vô thường.

Nếu không vô thường thì con cháu chúng ta làm sao lớn lên, làm sao chúng đi học mà lại giỏi được?

Chúng ta cần vô thường lắm. Nếu không có vô thường thì làm sao gieo bắp mà hạt bắp mọc thành cây bắp để rồi cho trái mình ăn? Cho nên ta đừng than khóc khi nghe hai tiếng “vô thường”.

Bụt đâu có nói rằng: “Vạn vật vô thường, các con hãy khóc đi”. Bụt chỉ nói rằng: “Vạn pháp vô thường, các con phải biết điều đó để tránh những khổ đau là do chỗ mình nhận cái vô thường làm cái thường. Nếu mình biết vô thường là vô thường thì mình đâu còn đau khổ nữa”.

Vô thường là một yếu tố rất tốt đẹp, rất căn bản, rất quan trọng, rất cần thiết cho sự sinh hoá của vạn vật. Và như vậy, chúng ta phải chấp tay cảm ơn vô thường.

Lâu nay chúng ta nói đến hai chữ vô thường với một tâm niệm bi quan, chán đời, than vãn, vì chúng ta chưa hiểu. Chính nhờ vô thường mà vạn vật sinh trưởng tồn tại, và chúng ta có thể ngồi đây. Nếu không có chữ vô thường, chúng ta chưa ra đời được đâu.

Và chữ “không” cũng vậy, nó hay lắm. Nếu tờ giấy này nó không không, nghĩa là nó có tự thể riêng biệt của nó, thì làm sao có nó được. Chính nhờ nó không có tự thể riêng biệt nên mặt trời, rừng cây, đám mây mới tạo ra được nó. Do đó, “không” là căn bản của tất cả mọi hiện hữu. Một triết gia Phật giáo nổi tiếng ở thế kỷ thứ hai, một vị tổ sư của đạo Phật, Ngài Long Thọ, đã tuyên bố một câu rất hay trong cuốn Đại Trí Độ Luận: Nhờ có không mà mọi pháp đều có mặt hết (Dĩ hữu không nghĩa cố, nhất thiết pháp đắc thành). Quý vị phải xoá bỏ cái ấn tượng mà hai chữ vô thường để lại trong tâm chúng ta, xoá bỏ những cảm tưởng buồn bã, bi quan, chán đời. Và chúng ta biết rằng vô thường và không rất là cơ bản trong sự hiện hữu của vạn sự, vạn vật trong vũ trụ.

Nghe đây Xá Lợi Tử: Sắc chẳng khác gì Không

Nếu quý vị hiểu được không là gì rồi, thì khi nghe nói sắc chẳng khác gì không, mình sẽ cảm thấy vui sướng quá, vì biết rằng nhờ không mà có sắc. Và làm như nói sắc chẳng khác gì không chưa đủ nên Ngài lập lại: không chẳng khác gì sắc. Còn lại bốn uẩn kia, cũng đều như vậy cả.

Có hai em bé ở bên Canada, nghe bà nội đọc Tâm Kinh, ngang đó không hiểu nên tìm tới hỏi ba: “Thưa ba, bà nội đọc: sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc... tại con chẳng hiểu gì hết”. Ba chúng mới ráng sức cắt nghĩa: “Này con, ví dụ bàn tay mình có năm ngón, đây là ba, đây là má, đây là bà nội, đây là hai con. Đứa con lớn tên là Mây Bay, đứa con nhỏ tên là Quyên Quyên. Giả dụ như ba bệnh thì tất cả mọi người trong gia đình đều buồn khổ hết phải không? Nếu con bị sốt thì tất cả đều buồn. Vì vậy nên tuy năm mà là một. Cái gì xảy ra cho một người là xảy ra cho tất cả mọi người. Sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc, sắc chính thực là không, không chính thực là sắc có nghĩa là tất cả chúng ta đều có trách nhiệm đối với nhau.

Bé Quyên Quyên nói rằng: “À, như vậy là đúng rồi. Mỗi khi chị Hai đánh con tức là chị Hai đánh chị Hai phải không Ba?” Ba nó nói: “Đúng như vậy, khi chị Hai đánh con tức là chị Hai tự đánh chị Hai và chị Hai đánh tất cả những người trong gia đình. Vậy cho nên, nghe đây con: Mây Bay tức là Quyên Quyên, Quyên Quyên tức là Mây Bay, Quyên Quyên chẳng khác gì Mây Bay, Mây Bay chẳng khác gì Quyên Quyên, còn lại bà nội, ba, má tất cả đều như vậy”. Ông ta nói giống hệt như trong Tâm Kinh. Quyên Quyên bảo: “Như vậy con phải học thuộc câu thần chú này, mỗi khi chị Hai sắp sửa đánh con thì con nói: Nghe đây chị Hai, Quyên Quyên chẳng khác gì Mây Bay, Mây Bay chẳng khác gì Quyên Quyên, Quyên Quyên chẳng khác gì ba, ba chẳng khác gì Quyên Quyên...”.

Xá Lợi Tử nghe đây: Thế mọi pháp đều không

“Thê” là cái bản chất. Vạn pháp tức là mọi hiện tượng. Mặt trời là một pháp, dòng sông, hạt bụi, hòn sỏi, sự suy trí, sự thương, sự ghét, con mắt lộ tai cũng đều là pháp.

Thê mọi pháp đều không: bản chất của mọi hiện tượng đều không, nghĩa là không có tự tánh riêng biệt.

Không sinh cũng không diệt

Các pháp chưa bao giờ sinh ra hết, cũng không bao giờ diệt. Câu nói này của Đức Quán Tự Tại đi ngược với nhận thức thông thường của chúng ta. Chúng ta thường nghĩ cái gì cũng có sanh, cái gì cũng có diệt, và sinh diệt là cái mà chúng ta thấy hàng ngày. Vậy tại sao Đức Quán Thế Âm lại nói không sinh cũng không diệt?

Thực sự sinh có nghĩa là từ không mà trở thành có. Nếu mình có rồi thì mình đâu cần phải sinh nữa?

Nếu không có sinh tức là không có diệt.

Cô Như Ý đang ngồi trước mặt tôi đây sinh ngày 2-10-1972. Ta thử hỏi: Vậy trước ngày này, cô đã có chưa? Nghĩ cho chính, ta thấy cô đã có rồi trong bụng mẹ từ khoảng 25 tháng chạp năm 1971! Như vậy nếu là đã có rồi thì cô đâu cần phải sinh ra nữa? Cô không có mặt ở ngoài nhưng cô đã có mặt ở trong bụng mẹ cô rồi. Vậy thì ngày 2-10-1972 chắc không đúng là ngày cô sinh. Có lẽ ta phải chữa giấy khai sinh lại. Có thể ta phải thụt lùi chín tháng. Nhưng nếu ta quán chiếu tỏ tường, ta sẽ thấy Như Ý có mặt trước cả ngày mẹ cô có mang cô. Cô có mặt ở trong ba cô, mẹ cô, và ngay ở các thế hệ ông bà trước đó. Cô có mặt từ ngàn đời trước.

Có một Thiên Sư bảo học trò mình:

- Con hãy cho ta biết mặt mũi của con như thế nào trước khi chính mẹ con cũng chưa được sinh ra.

Chữ “mặt mũi” trong đạo Phật có nghĩa là chân tướng, bản thể.

Do đó câu hỏi đó mình có thể tìm về cội nguồn bản thể của mình, và mình có thể đạt được sự giác ngộ. Ta thấy rằng đi tìm ngày sinh của mình rất khó, vì từ cái không không thể nào trở thành cái có được. Từ ngàn xưa, Như Ý đã là một cái gì rồi, cô đã biến chuyển hoài, và hình thức hôm nay chỉ là một trong những hình thức của hiện tượng Như Ý thôi. Có thể là cô chưa bao giờ từng sinh ra hết.

Đó là sự thật mà Đức Quán Thế Âm muốn khơi mở cho chúng ta thấy. Chúng ta chưa bao giờ là số không. Đó là ý của câu: Thể mọi pháp đều không, không sinh cũng không diệt. Đã không sinh rồi thì làm sao mà có diệt?

Có thể nào mình làm cho hòn đá kia từ có trở thành không? Rất khó. Mình có thể nghiền nó thành bột, rồi rải tung ra, nhưng đó đâu phải là biến nó thành không? Hòn đá chỉ trở thành bột đá.

Cây nhang mình đốt, nó cũng không phải đang từ có đi tới không. Mùi thơm của nhang đi vào trong không gian, nhiệt lượng của nó cũng đi vào không gian. Nó đang luân hồi. Tro của nhang sẽ đi vào đất để có thể trở thành một nụ hoa.

Một hạt bụi dù nhỏ xíu đi nữa cũng không thể nào biến mất đi được. Nó chỉ biến thôi, nó có thể trở thành năng lượng và đi vào vũ trụ tồn tại dưới một hình thức khác.

Vì vậy, không ai có thể làm cho một vật từ có trở thành không, cũng như không ai có thể làm cho một vật từ không trở thành có. Thuyết sáng tạo “từ không mà thành có” không có nghĩa gì trong đạo Phật.

Một đám mây khi gặp khí lạnh có thể cảm thấy sợ hãi, vì nghĩ rằng mình sẽ trở thành không. Sự thực không phải thế. Khi gặp khí lạnh, đám mây chỉ trở thành mưa, để rơi xuống trên ruộng đồng, trên cây cỏ, trên hoa lá, thì nó sẽ cho đó là một hình thái đi chơi rất vui sướng. Đám mây sẽ rung mình biến thành mưa một cách rất tự nhiên, rất điềm tĩnh, rất hoan lạc.

Không như cũng không sạch

Ý niệm về nhơ và sạch cũng khác như ý niệm về sinh và diệt, nó nằm trong óc của chúng ta chứ không nằm trong thực sự.

Hôm qua trong bài học, chúng ta đã thấy rằng các ý niệm trên và dưới, Đông và Tây là những ý niệm ta có trong đầu óc chúng ta, chứ vũ trụ không có trên, không có dưới, không có Đông, không có Tây.

Khoa học gia Lovoisier của Pháp cũng đã nói rằng: “Không có gì sinh cũng không có gì mất đi”. Tuy là lời của một nhà khoa học, nhưng câu nói giống hệt như câu “không sinh cũng không diệt” của Tâm Kinh Bát Nhã.

“Không nhơ cũng không sạch” cũng vậy, chúng ta nói rằng bông hồng là thơm, là tinh khiết. Còn thùng rác thì trái lại rất hôi. Cố nhiên bông hồng là tinh khiết và thùng rác là hôi. Nhưng chúng ta cũng biết rằng chính bông hồng đó trong vòng một tuần lễ nữa sẽ trở thành một phần của thùng rác. Và thùng rác đó, nếu chúng ta biết cách làm vườn biết cách làm phân xanh, thì trong năm ba tháng sẽ trở thành những bông cúc, bông lan, bông hồng rất thơm.

Vậy khi nhìn bông hồng, và nhìn cho kỹ, ta đã thấy thùng rác. Và khi nhìn thùng rác cho kỹ, ta thấy bông hồng. Sự vật chuyển biến như vậy. Ý niệm dơ sạch là ý niệm của chúng ta. Dơ sạch còn có nghĩa là dơ sạch với ai.

Một cô gái giang hồ có thể có mặc cảm khổ đau là thân thể và tâm hồn ô uế. Cô nghĩ là cô không xứng đáng lấy Bụt. Khi tiếp xúc với người khác, cô cũng có cảm tương như vậy. Tuy bên ngoài cô làm ra vẻ tự nhiên nhưng bên trong cô lại có mặc cảm nhơ nhuốc. Song trong tinh thần Tâm Kinh Bát Nhã thì không có gì nhơ, không có gì sạch, và cô, nếu tu tập theo Bát Nhã, cô sẽ thấy rằng cô có thể vượt được ra ngoài dơ và sạch. Vì sao vậy? Sở dĩ cô trở nên một cô gái giang hồ, hay một cô gái bán Bar, là tại xã hội đã được cấu tạo như thế, và hoàn cảnh đưa đẩy cô phải làm nghề đó. Đất nước chúng ta, trong thời người Mỹ có mặt, đã tạo ra không biết bao nhiêu cô gái như vậy. Nói như vậy không có nghĩa là trong thời đại những người cai trị không có những cô gái giang hồ. Sở dĩ có những hiện tượng đó là vì hệ thống

xã hội, cơ cấu xã hội và hệ thống kinh tế của chúng ta đã sản sinh ra chúng.

Đức Bụt dạy rằng vì cái này như thế này cho nên cái kia như thế kia, vì cái này có cho nên cái kia có, vì cái này sanh cho nên cái kia sanh, vì cái này diệt cho nên cái kia diệt. Sở dĩ cô ấy như vậy vì những người khác như thế kia. Đâu phải cô một mình chịu trách nhiệm. Tất cả chúng ta đều chịu chung trách nhiệm. Những nhà chính trị, giáo dục, kinh tế đều chịu trách nhiệm về cô hết. Sở dĩ mà ra thân thể như vậy cũng vì tất cả chúng ta. Trong chúng ta, có người có trách nhiệm nhiều có người có trách nhiệm ít, nhưng hễ còn một cô gái ăn sương, còn một anh tướng cướp thì tất cả chúng ta đều có trách nhiệm. Tại vì chúng ta sống ích kỷ ít hay ích kỷ nhiều, chúng ta không góp phần tạo môi trường và cơ cấu xã hội để giúp cho những cô bé, những chú bé nhỏ nghèo, thiếu tình thương, thiếu sự chăm sóc của cha mẹ, của học đường trở nên người xứng đáng. Nếu chúng ta mỗi người một tay, góp phần thay đổi cơ cấu xã hội, cơ cấu kinh tế, ta sẽ ngưng lại không cho sản xuất những con người như thế nữa. Nếu chúng ta tạo dựng ra được những môi trường sinh hoạt lành mạnh thì cô gái đáng thương kia có thể trở về sống đời lương thiện và lành mạnh hơn. Chỉ có ở Tâm Kinh Bát Nhã những người như cô gái đó hoặc những người đã vì thiếu trí tuệ, thiếu giáo dục mà phải phạm vào những tội lớn, những người đó mới tìm ra được con đường giải thoát mà thôi.

Chúng ta không thể nói rằng tôi rất sạch, tôi không chịu trách nhiệm về cô. Tại vì cô không biết đường đi nước bước, tại cô không cẩn thận nên lâm vào tình trạng đó thì mặc cô.

Nói như vậy là không hiểu Tâm Kinh Bát Nhã. Tâm Kinh Bát Nhã nói rằng vì cái này như thế này, nên cái kia như thế kia. Nếu là ô uế thì ô uế chung; nếu là tinh sạch thì tinh sạch chung. Đó là lý tương quan, tương duyên của vạn hữu. Hiểu như vậy ta mới có được tâm từ bi và ý thức trách nhiệm.

Chính nhờ Bát Nhã Tâm Kinh mà cô gái kia hay những phạm nhân kia có thể tự giải thoát khỏi mặc cảm tội lỗi.

Ngoài ra không có một tôn giáo nào mở được cửa giải thoát cho những người như vậy. Địa ngục sẽ chờ cô, đợi anh. Nhưng Bát Nhã Tâm Kinh lại là cánh cửa rất màu nhiệm để giải thoát cho họ. Bông hồng chịu trách nhiệm về thùng rác và thùng rác chịu trách nhiệm về bông hồng. Hai cái tương sinh và tương tại.

Không thêm cũng không bớt

Thí dụ như mặt trăng, chúng ta nghĩ rằng nó có khi khuyết, khi tròn. Nhưng thực ra mặt trăng luôn luôn là mặt trăng. Ta nghĩ rằng mình có thể hao mất đi hoặc có nhiều thêm lên; nhưng kỳ thực sự mất thêm đó nằm trong tư tưởng của chúng ta, chứ không nằm ở đâu cả. Chúng ta đã mất gì sáng qua và sẽ được gì sáng nay? Chỉ có sự biến chuyển mà thôi, không có sự còn mất hoặc thêm bớt.

Cho nên trong Tánh Không không có Sắc, Thọ, Tưởng, cũng không có Hành, Thức

Năm uẩn đều có bản tánh không. Không có uẩn nào có thể tồn tại độc lập. Một uẩn có mặt là do bốn uẩn kia có mặt.

Không có Nhãn, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân, Ý (Sáu Căn)

Đó là sáu giới đầu tiên của mười tám giới.

Không có Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp (Sáu Trần)

Đó là sáu giới thứ hai.

Không có mười tám giới từ nhãn đến ý thức

Tức là cái thấy đến ý thức. Mười tám giới, từ nhãn giới cho đến ý thức giới, đều nương nhau mà được thành lập. Không giới nào có thể tồn tại độc lập. Một giới có mặt là do mười bảy giới kia có mặt. Chữ không ở đây có nghĩa là không có sự tồn tại biệt lập.

Không hề có Vô Minh, không có hết Vô Minh, cho đến không Lão Tử, cũng không hết Lão Tử

Bốn câu này nói về mười hai nhân duyên. Nhân duyên thứ nhất là vô minh, nhân duyên thứ hai là lão tử. Vô minh không thể nào tự mình có được, mà phải do mười một nhân duyên kia đưa nó ra đời. Và trong tất cả những nhân duyên khác cũng không có cái nào tự nó có được; cái nào cũng phải do những nhân duyên khác đưa đến. Vì vậy trong mười hai nhân duyên, nhân duyên nào cũng có tánh không.

Không Khổ, Tập, Diệt, Đạo

Bốn sự thật (tứ đế) cũng có tự tánh không. Mỗi sự thật cũng dựa trên ba sự thật khác để thành lập, và vì thế bốn sự thật đều không, nghĩa là không có sự có mặt riêng biệt.

Không Trí cũng không Đắc và có Sở Đắc

Trí tuệ cũng như sự u mê phải nương nhau mà có.

Chỗ này chúng ta phải để ý lắm mới có thể hiểu được. Những cặp chống đối được nêu ra như là: sinh diệt, nhơ sạch, trong ngoài, trên dưới, phải trái, đông tây ... Những cặp chống đối đều thuộc về nhận thức của chúng ta thôi, chứ không thể áp dụng trong sự thật.

Như nói về Đông Tây, có nhà triết học bảo rằng: Đông là Đông, Tây là Tây, Đông Tây không bao giờ gặp nhau. Nhưng theo diệu lý Bát Nhã thì Đông và Tây đều là không hết, nhờ Đông mà có Tây, nhờ Tây mà có Đông. Chẳng hạn điểm mà tôi chỉ bằng ngón tay đây là Đông hay là Tây? Nếu đứng bên này thì nó là Đông còn đứng bên kia thì nó là Tây. Do đó Đông Tây là một, sao có thể nói Đông Tây không gặp nhau? Chúng đâu cần phải gặp nhau vì Đông tức là Tây rồi.

Theo nhãn quan Bát Nhã, chúng ta nhìn phải trái và chánh tà cũng bằng cách ấy.

Khi ta có khái niệm về Bụt, ta cũng có khái niệm về cái đối lập với Bụt, tức là Ma. Chúng ta thấy Bụt và Ma là hai kẻ thù. Trên sự thật, Bụt làm ra Ma và Ma làm ra Bụt. Chân lý của thực tại vượt thoát ý niệm Bụt và Ma.

Trong kinh có câu “Niết bàn sinh tử thì không hoa”. Cả hai đều là hoa đốm giữa hư không, là những ý niệm mà chúng ta có ở trong đầu. Khi quý vị tập một vở kịch cho các em trong Gia Đình Phật Tử, nếu muốn đưa Bụt ra, thì phải đưa Ma ra để làm nổi bật Bụt. Bụt cũng cần Ma để hiện hữu. Khi muốn đưa ra một vị anh hùng, ta cũng cần phải đưa ra một tên gian manh để vị anh hùng đó nổi bật. Sở dĩ anh hùng, đó là anh hùng đối với tên trộm cắp, sở dĩ là trộm cắp đó là tên trộm cắp đối với anh hùng. Sở dĩ là ngày, vì cái đó đối với đêm, sở dĩ là đêm vì cái đó đối với ngày.

Kinh điển có khi diễn tả Đề Bà Đạt Đa đã tạo rất nhiều khó khăn cho Bụt trong khi Ngài còn tại thế. Có kinh điển lại nói Đề Bà Đạt Đa là phương tiện để nêu rõ những đức tánh quảng đại, quang minh của Bụt. Bóng tối rất cần để người ta biết bóng tối là cái gì. Bụt có vai trò của Bụt. Ma có vai trò của Ma. Hai bên cần nhau. Tôi có viết một câu chuyện để nói về chân lý khó nhận đó:

“Có một hôm đang đứng gác cho Bụt ngồi Thiền trong động đá, đức A Nan thấy Ma vương lững thững đi tới. A Nan đâu có thích gặp Ma, thầy chỉ muốn gặp Bụt thôi. Ông núp sau cội cây, hy vọng Ma đi lạc đường cho khỏe, chớ nếu nó quấy nhiễu Bụt thì vô ích quá. Nhưng không biết tại sao Ma vương Ba Tuần khôn quá, nó nhắm đúng động của Bụt mà đi tới.

A Nan không thể tránh được nữa. Thầy lộ mặt ra, nói: “Anh còn tới đây làm chi? Anh không mắc cỡ sao? Anh không nhớ ngày anh bị đức Thế Tôn đánh bại xiềng niềng dưới cội Bồ Đề sao? Mặt mũi nào mà tới đây nữa, anh đi đi cho rồi! Bụt không tiếp anh đâu, anh là kẻ thù của Bụt”.

Thầy A Nan nói một thôi dài như vậy, vì hồi ấy thầy còn yếu. Thiên Ma Ba Tuần cười ha hả: “Thiệt vậy hả? Bụt có nói rằng Ngài có kẻ thù hả?” A Nan lúc đó mới chột dạ: hình như thầy mình chưa bao giờ dạy mình như vậy. Kết quả, thầy nói: “Thôi anh đứng đây. Để tôi vô thông báo với Ngài”. Bụng A Nan rất buồn, vì nếu vô thông báo mà Bụt đồng ý tiếp Ma vương thì rầu lắm, nên vừa đi vô thầy vừa hy

vọng Bụt sẽ bảo rằng: Ra nói với nó là Ta không ở nhà, hoặc ta đang bận hội nghị. Nào dè, khi nghe báo, Bụt nói: “Vậ há? Thiên Ma Ba Tuần ngoài đó há? Hay quá! Vui quá!” Và Bụt đứng dậy, đi ra ngoài, tự thân đón tiếp Ma vương. Thầy A Nan buồn lắm, đi lò dò sau Bụt, thấy Bụt chấp tay chào Ma vương (“sen búp xin tặng người, một vị Bụt tương lai”), rồi cầm tay Ma vương hỏi “Sao, lâu nay anh mạnh giỏi không? Công việc như thế nào, làm ăn ra sao?” A Nan thiết là buồn, thầy không ngờ đức Thế Tôn lại ưu ái đối với Ma vương như vậy. Bụt kéo Ma vương vào động, phân ngôi chủ khách, mời ngồi đằng hoàng, rồi quay lại bảo thầy A Nan đi pha trà. Thầy A Nan rầu lắm. Pha trà cho đức Bồn sư một ngày ba bốn chục lượt thầy cũng vui, nhưng pha trà cho Ma vương uống thì không vui tí nào. Song thầy mình đã dạy thì mình không thể không vâng lời. Trong khi đợi nước reo, A Nan lắng nghe để biết Bụt nói gì với Ma vương. Bụt lặp lại: “Sao? Hồi nãy tôi hỏi nhưng chưa nghe anh trả lời. Anh làm ăn khá không? Anh mạnh khoẻ không?”. Ma vương mới đáp: “Rầu lắm anh oi, tôi chán làm Ma vương quá rồi! Bây giờ tôi muốn làm một cái khác”. Bụt hỏi tại sao chán. Ma vương nói: “Anh được mặc áo cà sa tôi chỉ được mặc áo giấy. Đi với anh ai cũng vui vẻ cười nói hết, còn đi với tôi toàn là bọn ma quỷ mặc áo giấy, nếu nói thì nói ra toàn những câu lắt léo trực trặc khó hiểu. Khi thở, họ thở ra toàn những khói nghi ngờ. Rồi bây giờ bọn lâu la của tôi lại bắt đầu nói những chuyện nào là trí tuệ, giải thoát, nào là công bằng xã hội, nào là Thiên, Tịnh, đạo pháp, dân tộc ... đủ thứ hết. Nên tôi chán ngấy, muốn đem tất cả đệ tử của tôi giao hết cho anh. Bây giờ, tôi không muốn làm Ma vương nữa, tôi muốn anh cho tôi làm một cái khác”.

Thầy A Nan run quá. Nếu Bụt chấp nhận vai trò Ma vương, để Ma vương chấp nhận vai trò Bụt, thì đời mình coi như là tiêu ma. Bụt nhìn Ma vương rồi trang trọng nói: “Bộ anh nghĩ mình làm Bụt sướng lắm sao? Anh có biết mỗi ngày họ dán lên lưng tôi biết bao nhiêu nhãn hiệu không? Anh có biết là người ta đã đặt vào miệng tôi những câu nói không thể nào tưởng tượng được và bảo đó là do đức Thế Tôn thuyết hay không? Anh có biết là người ta làm một cái nhà thật lớn, đặt tượng của tôi lên để thu nhận nào chuối, nào xôi, nào ổi, nào xoài

không? Có khi họ còn làm một cái kiệu để tượng tôi lên đó, đoạn khiêng tôi đi ngất nga ngất ngưỡng như người say rượu từ phố này sang phố khác. Nhân danh tôi, họ làm những chuyện râu lấm, nào hội trưởng, phó hội trưởng, ra ứng cử bên này, ra ứng cử bên kia, không chịu tu học gì hết. Tôi nghĩ là anh nên làm bốn phận của anh cho đảng hoàng. Đó là tốt nhất. Mỗi người có một phận sự đặc biệt và phải làm với tất cả lương tâm của mình”.

Nói xong, Bụt đọc lại bài kệ tóm tắt nghĩa lý Ngài đã nói. Lúc đó nước bắt đầu sôi.

Câu chuyện đó, tôi viết để làm bài tựa cho một cuốn sách của một vị linh mục dòng Tên, xuất bản bên Mỹ, tựa là The Book of Psalms. Linh mục Daniel Berrigan là một người từng tranh đấu rất nhiều cho công bằng xã hội, cho hoà bình. Tôi nghĩ rằng hay hơn hết là mình nên để độc giả bên đó biết được một chút giáo lý bất nhị của đạo Bụt, để họ biết rằng khi nào mình còn chia hai phe chánh tà, thì thế giới vẫn còn loạn lạc, đau khổ. Ở các nhà thờ Tây phương, người ta thường gây cảm tưởng rằng chúng ta là dân của Thượng đế, rằng tất cả chúng ta đều làm đúng hết. Còn kẻ thù của chúng ta ở bên Nga, bên Tàu, bên những nước không thân thiện với chúng ta, họ đều là tà ma hết. Chia ra như vậy để chúng ta rất sung sướng được đứng về phe chánh và những người kia không đứng về phe chúng ta, tức đang đứng về phe tà ma.

Quan niệm này có thể gây chiến tranh, gây sự kỳ thị trên thế giới lâu nay. Trong những phim làm cho con nít Tây phương, vai bên phía chánh có nét mặt rất Tây phương, và nhiều khi nét mặt của những người bên phe tà lại có vẻ Á Đông. Đó là một hiểm hoạ kỳ thị rất lớn mà ta phải suy xét.

Cơ Đốc Giáo hiện đang được thực tập tại các nước Tây phương là một thứ Cơ Đốc Giáo đã bị Tây phương hoá rất nhiều, theo kiểu suy nghĩ Tây phương. Nếu chúng ta không khéo thì Phật giáo cũng sẽ được nhận thức qua lối suy tư của người Tây phương, rồi Phật giáo cũng sẽ biến hình, méo mó. Chúng ta phải thực tập Tâm Kinh Bát Nhã thật kỹ

lượng để vượt thoát khỏi hướng lượng nguyên của tư tưởng Tây phương.

Nguyên tắc của chúng ta là nguyên tắc bất nhị (không phải là hai). Hôm trước chúng ta đã học phương pháp đối trị với thân và tâm. Thân và tâm của chúng ta là một, chứ không phải là hai. Những cảm thọ như giận, hờn, buồn, chán v.v... không phải là tà ma mà chính là chúng ta. Chúng ta phải đối trị những cảm thọ đó với tất cả sự ưu ái và với thái độ bất bạo động, ta mới có thể đạt tới sự an lạc.

Không Trí cũng không Đắc vì không có Sở Đắc

Tại sao vậy?

Sở đắc là kết quả chúng ta được từ bên ngoài. Đạo Bụt nói rằng trong một hạt bụi đã có đầy đủ tất cả trí tuệ của vũ trụ vạn hữu. Trong con người đã có đầy đủ Phật tâm, do đó cái trí tuệ mà ta muốn đạt tới, ta không phải tìm cầu ở bên ngoài, vì trong chúng ta nó đã có sẵn. Trong tự tâm chúng ta đã có sẵn một đức Bụt. Mỗi khi ngồi thiền hoặc nghe tiếng chuông, chúng ta thực tập tỉnh thức, thì tự nhiên trong chúng ta được dựng nên một thiên đường rất nghiêm trang, và đức Bụt ở trong ta tự nhiên sáng chói hào quang.

Vấn đề là không phải đi tìm những cái ở ngoài ta, mà là làm sáng rõ đức Bụt cùng sự giác ngộ đã sẵn có trong ta. Bởi thế nên gọi là không đắc vì không có sở đắc.

Khi một vị Bồ Tát nương Diệu Pháp Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật) thì tâm không chướng ngại, vì tâm không chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi mộng tưởng, xa lìa mọi điên đảo, đạt Niết Bàn Tuyệt Đối.

Mộng tưởng điên đảo là những tri giác sai lầm của chúng ta. Chúng tạo ra những sợ hãi và căm thù mà chúng ta đã là nạn nhân trong bấy lâu nay. Hồi nãy tôi có nói về đám mây. Khi đám mây biết rằng nó không sinh cũng không diệt, thì khi thời cơ tới, nó có thể an nhiên biến thành mưa. Và khi biến thành mưa, đám mây sẽ cười thích thú

mà rơi xuống trên cây cỏ, trên ruộng đồng, để làm tròn nhiệm vụ nước mưa của mình.

Những đợt sóng trên biển cả cũng là do mưa mà thành.

Đứng về phương diện sóng, ta thấy có sự sinh, sự diệt của làn sóng trên biển. Nhưng nếu những làn sóng đó quán chiếu trong tự thân mình, chúng sẽ biết rằng chúng là nước. Đứng về phương diện hiện tượng thì sóng là sóng. Sóng đứng về phương diện bản thể thì sóng là nước. Nếu sóng thấy được mình là nước, sóng sẽ không sợ hãi sinh tử nữa, vì tuy sóng có bắt đầu và có chấm dứt nhưng nước không có bắt đầu cũng không có chấm dứt. Nếu một làn sóng khi đổ xuống. Nếu làn sóng biết mình là nước nó sẽ mỉm cười vì nó biết mình sẽ trở nên một làn sóng khác. Đã là nước, thì nào còn có lên có xuống, có to có nhỏ. Bởi vậy đợt sóng chỉ đạt được giải thoát khi đợt sóng biết mình là nước.

Một chiếc lá cây cũng vậy.

Nhưng nếu biết quán chiếu theo Kinh Tinh Yếu Bát Nhã Ba La Mật Đa, thì lá sẽ thấy rằng trong suốt mùa thu và mùa hạ, nó đã làm việc hết sức mình để nuôi dưỡng cây. Chúng ta thường nghĩ lá là con cháu của cây, ít khi ta nghĩ rằng lá cũng là mẹ của cây. Sự thực lá cũng là mẹ của cây, vì chất nhựa do các rễ cây hút từ dưới đất lên, chưa thể dùng để nuôi cây được: đó chỉ là nước lẫn thêm các chất khoáng mà thôi. Cây nhựa thô lên, phân phát cho các tờ lá. Mỗi tờ lá có nhiệm vụ biến nhựa thành nhựa luyện, nhựa này có thể nuôi cây được. Những chiếc lá nhỏ nhỏ là những nhà máy dùng ánh sáng mặt trời và các chất khí trong không khí biến nhựa thô thành nhựa luyện. Màu xanh của lá cũng do mặt trời và những chất khí làm ra. Khi luyện xong nhựa, lá trả chất nhựa này vào thân cây để nuôi dưỡng cây, do đó ta có thể nói rằng lá còn làm mẹ của cây nữa chứ không phải là con của cây mà thôi.

Tờ lá có thể quán chiếu rằng sự sống của nó chủ yếu là ở trong cây, chứ không phải là chỉ ở trong lá. Lá chỉ là một phần của cây, và là đồng nhất nó với cây. Tờ lá vàng nhìn lại bản thân và biết rằng trong

giai đoạn này nó chỉ là một phần của lá mà thôi. Những chất bổ nó tạo ra bây giờ đang nằm trong cây. Nếu lá nhận thức ra rằng nó là cây, đồng nhất nó với cây, cũng như đợt sóng đồng nhất với nước, thì chiếc lá đó sẽ không còn sợ hãi, sẽ thấy được sự bất sinh bất diệt của nó khi nó rơi xuống đất. Nó sẽ rơi xuống, một cách rất thanh thản, vừa rơi vừa múa và biết rằng nó tiếp tục làm công việc nuôi dưỡng thân cây. Nó sẽ biến thành đất mun để lại bón cho cây và sẽ trở lại cây. Như vậy, nó thấy được sự bất sinh bất diệt của chính nó.

Ta cũng vậy. Chúng ta sợ hãi vì chúng ta thấy sự sinh diệt qua nhận thức sai lạc của chúng ta: vì vọng tưởng của chúng ta về sinh diệt, nên ta mới sợ.

Nếu ta quán chiếu được tự thể của mình, biết rằng mình là bản thể của sự sống, chỉ chuyên biến chứ không có sinh diệt, tất ta vượt thoát khỏi sự sợ hãi về sinh diệt. Và chúng ta sẽ bằng lòng với bất cứ hình thức nào mà mình sẽ tiếp nhận sau này.

Tôi thấy ở Việt Nam có rất nhiều ông cụ và bà cụ chuẩn bị cho cái chết của họ một cách vui vẻ. Cụ bảo con cháu đi mua cho cụ một chiếc áo quan bằng gỗ thật tốt. Rồi cụ sung sướng đi theo con cháu tới lựa gỗ, ủy thác cho thợ mộc làm những đường viền trên quan tài. Ngày rước áo quan về nhà, cụ vui vẻ ghê lắm, bảo đặt nó ngay trong phòng mình, ngày ngày ra vào vuốt ve thích thú. Và cụ không ngại gì chui vô nằm thử xem có vừa hay không. Nhưng phần lớn chúng ta thì không làm được như vậy, chúng ta sợ lắm.

Khi một người đàn ông trở thành ông nội hay ông ngoại rồi, ông ta thấy rằng những chất liệu của mình đã truyền cho các thế hệ cháu con. Khi thấy những đứa trẻ chạy chơi trong nắng sớm ngoài bãi cỏ, ông thấy ông là những đứa trẻ đó. Rồi ông mỉm cười sung sướng, thấy rằng mình đã lên đường đi luân hồi trong con và trong cháu.

Cũng như cây chuối, ban đầu chỉ có hai lá, với cái lá thứ ba còn cuộn tròn lại. Những chiếc lá đầu làm việc hết sức, chúng dồn tất cả năng lượng để nuôi những lá khác lớn lên, và chúng luân hồi vào những lá mới. Rồi những lá mới lại làm việc để cho những lá mới khác vươn

lên nữa. Khi các lá chuối đầu tiên bắt đầu vàng héo chúng rất sung sướng. Tất cả những gì đã làm được để gởi về tương lai thì chúng ta đã làm rồi, và chính chúng cũng đang đi về tương lai. Còn đây chẳng qua chỉ là cái dư, cái bã của đời sống mà thôi, nên chúng rũ xuống với một niềm tin.

Chúng ta cũng vậy.

Khi hạt bắp đâm chồi thành cây bắp, thì tất cả công phu của nó là lấy những chất bổ trong tự thân mình để nuôi cho cây đi lên. Hạt bắp đó sẽ đi đến sự tàn hoại. Nếu nó không tàn hoại thì làm sao đưa được cây bắp đi lên. Vì vậy, hạt bắp thấy nó đang đi lên. Cái đang tàn hoại này chẳng qua chỉ là cái bã. Hạt bắp thoát khỏi sự sinh tử, nó thấy nó đã lên đường và sẽ trở thành một trái bắp có rất nhiều hạt.

Sự quán chiếu đó, ta có thể thực hiện được. Nếu không học Bát Nhã Tâm Kinh, không học quán chiếu theo đạo Phật, ta không thấy được sự diễn biến của các hiện tượng trong vũ trụ. Quán được như vậy ta sẽ thoát ra khỏi sinh tử, ta sẽ có một nụ cười, sẽ vượt ra cái mà ta gọi là sự sợ hãi.

Sự sợ hãi là gánh nặng đè trĩu lên kiếp người chúng ta từ lúc sơ sinh đến khi nhắm mắt. Đức Quán Thế Âm hiến tặng chúng ta kinh này với mục đích giúp chúng ta vượt thoát sự sợ hãi, sự sợ hãi sinh tử. Quán về nhân duyên sinh, ta có thể vượt thoát mọi khổ đau của sự sống.

Chư Phật trong ba đời y Diệu Pháp Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật) nên đắc Vô Thượng Giác

Các đức Phật thánh đạo cũng chỉ nhờ phương pháp quán sát này mà thôi, chứ không nhờ phương pháp nào nữa.

Vậy nên phải biết rằng Bát Nhã Ba La Mật là linh chú đại thần, là linh chú đại minh, là linh chú vô thượng, là linh chú tuyệt đỉnh, là chân lý bất vọng có năng lực tiêu trừ tất cả mọi khổ nạn.

Vì thế Quán Thế Âm thấy được tự tánh của năm uẩn đều không, nên Ngài thoát khỏi mọi khổ nạn. Ngài nói kinh này là một linh chú, một chú có đại thần lực (đại thần), có ánh sáng (đại minh), một linh chú vô thượng tuyệt đỉnh, tức không có linh chú nào cao hơn. Đây cũng là chân lý bất vọng có năng lực tiêu trừ tất cả mọi khổ nạn.

Cho nên tôi muốn thuyết câu thần chú Trí Độ Bát Nhã Ba La Mật.

Sau khi Ngài nói với Xá Lợi Phất như vậy rồi, Ngài bảo sẽ đọc ra một câu linh chú.

Chú, tiếng Phạn là Dharani, có nghĩa một câu nói thoát ra trong trạng thái hết sức vững chãi. Thân, tâm và ngôn ngữ hoà hợp lại trong một định lực thật lớn, một câu nói có thể thay đổi được hoàn cảnh thì gọi là linh chú.

Trong gia đình, mỗi khi người cha ngồi lại trầm tư, suy nghĩ, im lặng trong ba bốn giờ, rồi kêu các con lại và nói lên một câu. Câu nói đó phải là một câu quan trọng.

Câu linh chú quan trọng hơn, vì Đức Bồ Tát vừa ở trong định ra, Ngài đã quán sát năm uẩn, Ngài vừa mới giác ngộ, thân tâm Ngài đang ở trong trạng thái định tĩnh rất lớn. Và ở trong trạng thái đó, Ngài đã nói ra câu linh chú có năng lực chuyển biến được tâm hồn chúng ta.

Cũng như trong trường hợp hai người trẻ thương nhau. Người con gái cứ đợi ngày này qua ngày khác câu nói của chàng trai để xác định tình yêu của chàng.

Câu nói chỉ có ba tiếng thôi, nhưng đợi hoài chưa thấy anh ta nói. Anh chàng cẩn thận lắm, vì anh vốn là người rất đứng đắn, là người có trách nhiệm, anh phải xét nghiệm lại trái tim mình trước khi nói.

Nói ra ba tiếng đó là đóng đinh vào cột, nên anh đâu có thể dễ nói được, đâu phải bất cứ ở chỗ nào, bất cứ trong lúc nào anh cũng nói được. Anh phải xét nghiệm và để cho tình yêu chín muồi mới nói. Dưới một cây hoa bằng lăng, vào một buổi sáng chủ nhật đẹp trời, lúc hai người đang ngồi im lặng, tự nhiên anh mở miệng nói ba tiếng

màu nhiệm kia. Không phải chỉ nói với miệng mà anh ta nói với tất cả tâm hồn, với tất cả con người anh. Thân, khẩu, ý hợp nhất lại. Khi nghe ba chữ đó, cô nàng run lên. Đó là một câu nói rất gần với một câu linh chú.

Khi một vị Bồ Tát an trú ở trong định nói ra một câu như vậy, thì câu nói có năng lực làm chúng ta chuyển đổi tâm trạng. Nhưng chúng ta có nghe được như cô gái đó không, chúng ta có chuẩn bị để nghe câu chú đó không?

Câu chú đó là:

**Gate, Gate, Paragate,
Parasamgate, Bodhi Svaha**

Nghe câu chú đó, có thể chúng ta nghe như những con trâu đang ăn cỏ mà nghe đàn vĩ cầm. Câu ấy sẽ không gây ảnh hưởng nào trên ta hết vì ta chưa chuẩn bị. Ta phải tập Thiền, tập thở, tập cười, tập định lực, ngồi yên lặng, thiết lập sự thông cảm với Đức Quán Âm. Có sự thông cảm sâu xa rồi, thì câu chú được đọc lên, tâm hồn sẽ chuyển đổi.

Gate: có nghĩa là qua rồi.

Paragate: qua bên kia rồi.

Parasamgate: tất cả vượt qua bên kia rồi.

Bodhi: tỉnh thức

Svaha: tiếng reo gọi vui mừng có năng lực thúc đẩy, tương đương với tiếng chào mừng hoặc hò dô ta của mình vậy.

Bây giờ, để cảm ơn Ngài, chúng ta nên tụng bài Bát Nhã Tâm Kinh để chấm dứt. Chúng ta nên tụng với tất cả tâm hồn chúng ta, đừng tụng như là hát một bản nhạc, tụng tới đâu ta phải thấy, phải hiểu tới đó mới được.

Kinh Tinh Yếu Bát Nhã Ba La Mật Đa

Bồ Tát Quán Tự Tại
Khi quán chiếu thâm sâu
Bát Nhã Ba La Mật
Tức diệu pháp Trí Độ
Bỗng soi thấy năm uẩn
Đều không có tự tánh.
Thực chứng điều ấy xong
Ngài vượt thoát tất cả
Mọi khổ đau ách nạn.

"Nghe đây, Xá Lợi Tử:
Sắc chẳng khác gì Không
Không chẳng khác gì Sắc
Sắc chính thực là Không
Không chính thực là Sắc
Còn lại bốn uẩn kia
Cũng đều như vậy cả.
Xá Lợi Tử, nghe đây:
Thế mọi pháp đều không
Không sanh cũng không diệt
Không nhơ cũng không sạch
Không thêm cũng không bớt.
Cho nên trong tánh không
Không có Sắc, Thọ, Tưởng
Cũng không có Hành Thức
Không có Nhãn, Nhĩ, Tỷ
Thiệt, Thân, Ý - Sáu Căn
Không có Sắc, Thanh, Hương
Vị, Xúc, Pháp - Sáu Trần
Không có Mươi Tám Giới
Từ nhãn đến ý thức
Không hề có Vô Minh

Không có hết Vô Minh
Cho đến không Lão Tử
Cũng không hết Lão Tử
Không Khổ, Tập, Diệt, Đạo
Không Trí cũng không Đắc.
Vì không có sở đắc
Nên khi vị Bồ Tát
Nương diệu pháp Trí Độ
Bát Nhã Ba La Mật
Thì tâm không chướng ngại
Vì tâm không chướng ngại
Nên không có sợ hãi
Xa lìa mọi mộng tưởng
Xa lìa mọi điên đảo
Đạt Niết Bàn tuyệt đối.
Chư Bụt trong ba đời
Y diệu pháp Trí Độ
Bát Nhã Ba La Mật
Nên đắc vô thượng giác.
Vậy nên phải biết rằng
Bát Nhã Ba La Mật
Là linh chú đại thần
Là linh chú đại minh
Là linh chú vô thượng
Là linh chú tuyệt đỉnh
Là chân lý bất vọng
Có năng lực tiêu trừ
Tất cả mọi khổ nạn
Cho nên tôi muốn thuyết
Câu thần chú trí độ
Bát Nhã Ba La Mật".

Nói xong đức Bồ Tát
Liên đọc thần chú rằng:
Gate

Gate

Paragate

Parasamgate

Bodhi

Svaha. (*ba lần*)

-
- Kinh Tinh Yếu Bát Nhã do Thầy Nhất Hạnh giảng tại chùa Pháp Hoa, Adelaide Úc, ngày 23-11-1986
 - Lưu Hoằng Nguyễn thu thanh và chép ra
 - Lưu Thị Hồng sắp chữ.